TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2026/DS–ST
Ngày 16/6/2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2026/TLST–DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2026/QĐST–DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988; Địa chỉ: 8 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Đặng Thị L1, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà L có mặt. Ông T và bà L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Năm 2023 chị có nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc xử lý nuôi tôm công nghiệp cho ông T và bà L1, hình thức mua bán các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, khi nào ông T và bà L1 cần mặt hàng nào thì chị sẽ cung cấp đủ số lượng theo yêu cầu cho ông T và bà L1, chị giao hàng tận ao nuôi tôm, khi giao hàng thì ông T và bà L1 có ký nhận vào sổ theo dõi của tôi, chị bao đến cuối vụ, khi nào ông T và bà

L1 thu hoạch tôm thì phải có nghĩa vụ trả đầy đủ tiền cho chị. Tuy nhiên, có những vụ ông T và bà L1 không trả đủ cho chị nhưng chị vẫn tiếp tục bán, tính đến ngày 01/12/2023 thì ông T và bà L1 còn nợ chị là 252.000.000 đồng đến nay chưa trả. Chị nhiều lần yêu cầu ông T và bà L1 trả tiền cho chị thì ông T, bà L1 nói khi nào có tiền thì trả nên chị làm đơn khởi kiện ông T và bà L1.

Chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà L1. Chị yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho chị 252.000.000 đồng, chị tự nguyện rút yêu cầu về việc ông T, bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho chị số tiền là 52.290.000 đồng. Chị đồng ý cho ông T trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng, trả cho đến khi nào hết số tiền 252.000.000 đồng, thời hạn trả lần đầu là ngày 20/7/2027. Chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Theo bản tự khai ngày 28/5/2026 và tại phiên tòa ông Trần Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Đặng Thị L1, ông và bà L1 có đăng ký kết hôn theo quy định, đăng ký cách nay hơn 30 năm, hiện nay ông với bà L1 vẫn còn sống chung. Trước đây ông và bà L1 có nhiều lần mua thức ăn, thuốc xử lý và thuốc cho tôm ăn hàng ngày của chị L để nuôi tôm công nghiệp, mục đích nuôi để có tăng thêm thu nhập cho gia đình do nuôi tôm bị thua lỗ nên không khả năng trả tiền cho chị L. Do thời gian lâu quá nên ông không nhớ chính xác là mua từ thời gian nào đến thời gian, mặt hàng ông mua là mặt hàng gì, giá cả bao nhiêu và nợ bao nhiêu tiền ông cũng không nhớ. Sau đó, ông với chị L có thỏa thuận góp vốn để nuôi tôm công nghiệp như sau: ao, thiết bị để nuôi tôm là của ông, tôm giống, thức ăn, nhân công là do chị L đầu tư, nếu có lợi nhuận thì chia đôi, nếu thua lỗ cũng chia đôi. Quá trình nuôi tôm 02 vụ đầu thì thua lỗ toàn bộ, chị L đã cộng tiền 02 vụ tôm này vào số nợ trước đó nên tính đến ngày 01/12/2023 thì vợ chồng ông nợ chị L là 252.000.000 đồng. Sau đó, chị L nuôi thêm 03 vụ nữa nhưng chị L không có bàn bạc với ông, chị L tự ý lấy đất của ông nuôi tôm, 03 vụ này ông không biết là chị L có lợi nhuận không. Do 03 vụ này chị L lấy đất của ông nuôi nên chị L phải trả cho ông 150.000.000 đồng, ông yêu cầu khấu trừ 100.000.000 đồng vào số tiền 252.000.000 đồng, số còn lại 102.000.000 đồng vợ ông sẽ trả cho chị L nhưng ông không biết khi nào trả được.

Nếu chị L không đồng ý khấu trừ thì ông thừa nhận hiện nay ông và bà L1 có nợ của chị L 252.000.000 đồng nhưng hiện nay gia đình ông đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả một lần cho chị L, ông không biết trả như thế nào vì ông và bà L1 hiện đi làm thuê, ông thì bị bệnh, khả năng lao động bị hạn chế rất nhiều.Việc chị L tự ý lấy đất của ông nuôi tôm thì ông sẽ tranh chấp với chị L thành vụ án khác, trong vụ án này ông không yêu cầu giải quyết. Nếu chị L tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đối với bà L1 và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông thì ông đồng ý. Khi nào ông dành dụm được bao nhiêu thì trả bấy nhiêu cho chị L, chứ ông không thể hứa khi nào trả cho chị L và sẽ trả một lần bao nhiêu tiền.

Bị đơn bà Đặng Thị L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về việc yêu cầu đối với bà L1 có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T trả cho bà L số tiền 252.000.000 đồng và yêu cầu ông T, bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho chị L số tiền lãi là 52.290.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T có nghĩa vụ giao trả cho chị L số tiền là 252.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cho ông T trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 252.000.000 đồng, thời hạn trả lần đầu là ngày 20/7/2027.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L1 cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Bị đơn Đặng Thị L1 đã được Tòa án án tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà L1 đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1.

- Xét yêu cầu của chị L về việc rút yêu cầu bà L1 có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T trả cho bà L số tiền 252.000.000 đồng và yêu cầu ông T, bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho chị L số tiền lãi là 52.290.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền là 252.000.000 đồng, trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng; thời hạn trả lần đầu là ngày 20/7/2027. Ông T thừa nhận ông có nợ chị L số tiền 252.000.000 đồng, đồng ý trả cho chị L nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế

của ông T rất khó khăn nên không biết khi nào trả được. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa chị L với ông T và bà L1 với được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà L1 đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc chị L yêu cầu ông T phải trả cho chị số tiền 252.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cho ông T trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 252.000.000 đồng, thời hạn trả lần đầu là ngày 20/7/2027.

[7] Xét yêu cầu của ông T, thấy rằng: Như nhận định nêu trên và trong quá trình giải quyết vụ án ông T không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện nay của ông T đang gặp khó khăn. Đồng thời, yêu cầu này của ông T không được chị L chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[9] Do yêu cầu khởi kiện của chị L chấp nhận nên ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L về yêu cầu đối với bà L1 có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T trả cho bà L số tiền 252.000.000 đồng và yêu cầu ông T, bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho chị L số tiền lãi là 52.290.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L. Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 252.000.000 đồng. Thời hạn và cách thức trả như sau: vào ngày 20 tháng 7 hàng năm ông T có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền là 30.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 252.000.000 đồng, thời hạn trả lần đầu là ngày 20/7/2027.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thanh L được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.608.000 đồng theo biên lai thu số 0001048 ngày 14 tháng 01 năm 2026.

- Ông Trần Văn T phải nộp là 12.600.000 đồng;

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân